

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08-01-2019

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

*Thẩm phán chủ tọa phiên toà:* Ông: Đặng Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh
2. Ông Nguyễn Việt Thắng

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Cẩm Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 585/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 496/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2018 về việc “Ly hôn” giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Phan Văn H, sinh năm 1986 (có mặt).

Trú tại: Ấp M, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

*Bị đơn:* Bà Lê Phương N, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Ông Phan Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Phương N sống chung từ năm 2016, hôn nhân do ông tự nguyện lựa chọn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 09 tháng 3 năm 2016. Ông và bà N đã ly thân từ tháng 6 năm 2016 đến nay.

Lý do ông yêu cầu ly hôn: Ông và bà Lê Phương N có nhiều mâu thuẫn dẫn đến cự cãi thường xuyên, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Nay, ông yêu cầu ly hôn bà Lê Phương N.

Về con chung: Ông và bà Lê Phương N không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà Lê Phương N không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Phương N đã được Tòa án mời hòa giải, xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Lê Phương N đã được Tòa án mời xét xử hợp lệ vào ngày 05 tháng 12 năm 2018 và ngày 08 tháng 01 năm 2019 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bà N theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận định, bà Lê Phương N và ông Phan Văn H sống chung với nhau từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 09 tháng 3 năm 2016 nên được công nhận là vợ chồng từ ngày đăng ký kết hôn. Ông Phan Văn H yêu cầu ly hôn bà Lê Phương N với lý do: Ông không còn tình cảm với bà N, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Hội đồng xét xử nhận định, bà N và ông H đã phát sinh mâu thuẫn nhưng các bên không có biện pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng và không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho ông Phan Văn H ly hôn bà Lê Phương N.

[4] Về con chung: Ông Phan Văn H và bà Lê Phương N không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định ông và bà N không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình. Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: + Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;  
+ Các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;  
+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Phan Văn H ly hôn với bà Lê Phương N.
2. Về án phí: Ông Phan Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình; ông H có nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu số 0008563, ngày 17 tháng 8 năm 2018, được chuyển thu đối trừ. Bà Lê Phương N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.  
Bà N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Trần Hợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Đặng Minh Trung**